

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH
THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152 /2020/HSST

Ngày: 23/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Chiếu

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Ông Nguyễn Hồng Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2020, tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2020/HSST ngày 31/8/2020, theo Qu định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-HS ngày 09/09/2020 đối với bị cáo:

Lưu Ngọc Qu, (tên gọi khác: không); sinh năm 1986. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: xóm Nông Vụ 4, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Cường Đ và bà Nguyễn Thị Th; có vợ Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2009; tiền sự: không;

Tiền án: 02 tiền án:

- Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 87/2013/HSST ngày 16/7/2013 (giá trị tài sản trộm cắp 20.700.000đồng).

- Năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 09/2016/HSST ngày 19/01/2016. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 11/10/2018, chưa được xóa án tích (bản án này xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm) nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”.

Bị can bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

* Người bào chữa cho bị cáo Lưu Ngọc Qu: bà Nguyễn Thị Thanh Nghĩa - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thanh Nghĩa, đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa

* Người bị hại: chị Hoàng Thị Th; sinh năm 1960 Trú tại: xóm Cầu Giao, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tha, sinh năm 1967; Trú tại: xóm Nông Vụ 4, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

2. Chị Nguyễn Thị X; sinh năm 1988; Trú tại: xóm Nông Vụ, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 25/6/2020, sau khi đi uống thuốc Methadol (thuốc dùng trong cai nghiện) tại Trung tâm y tế Phổ Yên, Lưu Ngọc Qu điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển số 20H1- 469.90 đi dọc theo đường bờ nương về hướng Bệnh viện Quân y 91, thị xã Phổ Yên. Khi đi đến khu vực tổ dân phố Yên Ninh 5, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Qu quan sát thấy bên trái đường có khoảng 03 (ba) bao tải đựng chè (loại chè búp đã sấy khô để uống) để ở ngoài cửa phòng dùng làm kho chứa chè của bà Hoàng Thị Th (sinh năm 1960, trú tại: xóm Cầu Giao, xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), không có người trông coi, Qu đã nảy sinh ý định trộm cắp 01 (một) trong số các bao chè trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Qu dừng xe lại gần các bao chè rồi để xe ở lề đường, quay xe hướng ra đường Quốc lộ 3 sau đó đi đến chỗ để các bao chè, bê 01 (một) bao chè (bên ngoài được bọc bằng 01 bao tải dứa màu trắng, bên trong là túi ni lông trong suốt, đựng số lượng chè là 23 kilôgam) để lên yên xe mô tô, tay trái Qu giữ bao chè, tay phải điều khiển xe đi theo hướng đường Quốc lộ 3 ra chợ Ba Hàng, thị xã Phổ Yên. Khi đến chợ Ba Hàng, Qu tháo rồi vứt bỏ lớp bao tải trắng bọc bên ngoài bao chè, chỉ để lại lớp ni lông màu trắng, sau đó Qu chở túi ni lông đựng chè khô trên đến cửa hàng của bà Nguyễn Thị Tha (sinh năm 1967, trú tại: xóm Nông Vụ, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, là mẹ đẻ của Qu). Qu nói với bà Tha túi chè là của bạn Qu, nhờ bà Tha bán hộ. Bà Tha đã đưa cho Qu số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), Qu nhận số tiền trên rồi đi về và đã tiêu xài cá nhân hết. Số chè trên hiện bà Tha đã bán cho khách, còn lại 1,8 kilôgam chè, được Cơ quan điều tra thu giữ để giải Qu.

Sau khi phát hiện bị mất 01 (một) bao chè trước cửa phòng, bà Th đã trình báo Công an phường Ba Hàng. Qua xác minh và tiến hành trích xuất camera của nhà dân tại khu vực nơi xảy ra sự việc, Công an phường Ba Hàng xác định Lưu Ngọc Qu là đối tượng nghi trộm cắp bao chè của bà Th. Công an phường Ba Hàng đã chuyển hồ sơ cùng các tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên để giải Qu theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Lưu Ngọc Qu đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 55/KLĐG ngày 08/7/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng thị xã Phổ Yên kết luận: Giá trị 23kg chè búp khô (chè đựng trong bao, không đóng theo từng gói Lưu Ngọc Qu trộm cắp của bà Hoàng Thị Th có trị giá là: **3.910.000đồng** (*Ba triệu chín trăm mười ngàn đồng chẵn*) .

Bà Nguyễn Thị Tha(mẹ đẻ của Lưu Ngọc Qu) đã bồi thường số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho bà Hoàng Thị Th, bà Th đã nhận tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Lưu Ngọc Qu đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của Lưu Ngọc Qu đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, bị cáo đã 02 lần kết án vào các năm 2013, 2016, chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm . Cáo trạng số 139/CT- VKSPY, ngày 27/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

Kết thúc thẩm vấn, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên có quan điểm giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Ngọc Qu phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b,h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Qu từ 30-36 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp là 01 bao chè búp khô 23kg của bà Hoàng Thị Th đã được mẹ bị cáo bà Nguyễn Thị Tha bồi thường số tiền 4.000.000đồng. Bà Th không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Đối với số tiền 4.000.000đồng bà Tha bồi thường thay cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bà Tha không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền trên nên không xem xét giải Qu.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen, BKS 20H1-469.90 là phương tiện bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa chị X xác định đây là tài sản do công sức của chị làm ra mua đứng tên chồng, nay hoàn cảnh của chị khó khăn chị đề nghị được xin lại. Xét đề nghị của chị X là có cơ sở; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho chị Nguyễn Thị X (vợ bị cáo) chiếc xe trên.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị Qu 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định.

Chủ tọa công bố bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố bị cáo thể hiện tại bản cáo trạng số 139/CT- VKSPY, ngày 27/8/20. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn (3.910.000đồng), bị cáo đã tác động đến mẹ bị cáo bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo; quá trình điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, thực sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án từ 24-30 tháng tù.

Trong phần tranh luận bị cáo không bổ sung ý kiến tranh luận và đồng ý với đề nghị của người bào chữa, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Qu định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Qu định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Qu định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bị hại, người bào chữa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị hại. Xét việc bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai , mặt khác bị hại đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại và không đề nghị gì về dân sự nên sự vắng mặt họ không gây trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ Điều 291, 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người bào chữa theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, loại tài sản chiếm đoạt. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Để có tiền phục vụ mục đích cá nhân, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu. Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 25/6/2020, tại khu vực trước cửa kho chứa

hàng của bà Hoàng Thị Th thuộc tổ dân phố Yên Ninh 5, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Lưu Ngọc Qu đã có hành vi trộm cắp 01 (một) bao chè búp khô của bà Hoàng Thị Th, trị giá **3.910.000đ** (ba triệu chín trăm mười nghìn đồng). Sau khi trộm cắp được bao chè của bà Th, Qu nói dối với bà Nguyễn Thị Tha (là mẹ đẻ của Qu) rằng chè bạn gửi bán hộ, bà Tha tưởng Qu nói Tha nên đã mua bao chè với giá 800.000 đồng thì bị phát hiện.

Hành vi, ý thức của bị cáo Lưu Ngọc Qu đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản. Bị cáo trước đó đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích cụ thể: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 87/2013/HSST ngày 16/7/2013 (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/3/2015 chưa được xóa án tích). Năm 2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 09/2016/HSST ngày 19/01/2016 (bản án này xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2018, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. Do đó bản cáo trạng số 139/CT- VKSPY, ngày 27/8/2020, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lưu Ngọc Qu theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Nội dung Điều 173 luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a).....

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản và hành vi cướp giật tài sản, chưa được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm, làm ăn lương thiện, trái lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, sau khi bị phát hiện đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự do tình tiết tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo trong vụ án này.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần thiết phải xử phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp được chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa xét thấy có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

[6] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được bồi thường toàn bộ cho người bị hại, người bị hại bà Th không có ý kiến gì thêm nên không đặt ra giải Qu.

Đối với số tiền 4.000.000đồng bà Nguyễn Thị Tha đã bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bà Tha không đề nghị bị cáo hoàn trả lại bà số tiền trên nên không xem xét giải Qu.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Honda Blade, màu đen, biển số 20H1- 469.90 bị cáo sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên mặc dù mang tên của bị cáo nhưng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của Qu và chị X, khi Qu sử dụng chiếc xe này đi trộm cắp chị X không biết. Nhẽ ra cần tịch thu 1/2 giá trị tài sản để sung công. Tuy nhiên khi cân nhắc xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay thực sự khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương, chiếc xe là tài sản có giá trị lớn đối với gia đình chị X nên không cần thiết tịch thu mà trả lại cho chị X quản lý, sử dụng.

[8] Về án phí : Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QU ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lưu Ngọc Qu** phạm tội: Trộm cắp tài sản.

1. Hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Qu 30(Ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Qu định tạm giam bị cáo Lưu Ngọc Qu 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 bao chè búp khô 23kg của bà Hoàng Thị Th đã được gia đình bị cáo Qu bồi thường toàn bộ cho người bị hại bà Hoàng Thị Th, người bị hại không đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải Qu.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 45, 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho chị Nguyễn Thị X 01 chiếc xe mô tô BKS: 20H1-469.90, nhãn hiệu Honda Ablade, màu đen, có số khung: RLHJA364XGY153493 số máy JA36E0693647, cũ, xe không có gương đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 10/9 /2020)

5. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Qu 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lưu Ngọc Qu do bị cáo thuộc hộ cận nghèo.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Lưu Ngọc Qu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên,.
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Chiều

